

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHẠM THỊ TRỌNG HIẾU

**PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN
TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI
VÙNG TÂY BẮC HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 9229001

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI – 2025

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Vũ Văn Hậu

2. TS. Nguyễn Thị Như Huế

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp
tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền
vào hồi 14 giờ 00 ngày 30 tháng 6 năm 2025**

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện Quốc gia, Hà Nội

Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phạm Thị Trọng Hiếu (2024), “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam”, Tạp chí *Lý luận Chính trị và Truyền thông*, chuyên đề số 1-2024, tr62-64.
2. Phạm Thị Trọng Hiếu (2024), “Xây dựng nông nghiệp sinh thái và phát huy vai trò chủ thể của nông dân ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Giáo dục lý luận*, số 377 (9/2024), tr73-78.
3. Phạm Thị Trọng Hiếu (2024), “Phát huy vai trò của nông dân trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp ở vùng Tây Bắc”, Tạp chí *Giáo dục lý luận*, số 382 (12/2024), tr65-70.
4. Phạm Thị Trọng Hiếu (2024), “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp sinh thái ở Tây Bắc hiện nay”, Tạp chí *Nghiên cứu Triết học*, số 18 (01/2025), tr85-93.
5. Phạm Thị Trọng Hiếu (2025), “Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất sang nông nghiệp sinh thái ở Tây Bắc hiện nay”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2 (206) -2025, tr3-12.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Xây dựng nông nghiệp sinh thái là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta phù hợp với xu thế chung của thế giới nhằm hướng tới giá trị gia tăng và bảo đảm phát triển bền vững, đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho nông dân, phát triển nông thôn hiện đại, văn minh. Thực chất của chủ trương này là nhằm tạo sự chuyển đổi từ mô hình nông nghiệp truyền thống chạy theo sản lượng, sử dụng hóa chất, khai thác kiệt quệ tài nguyên, hủy hoại môi trường sang mô hình NNST lấy giá trị làm mục tiêu, cốt lõi là giá trị sinh thái – nhân văn, ứng dụng KHCN, áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH, khai thác tiềm năng, thế mạnh sẵn có của các vùng miền, nâng cao giá trị và tăng tính cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp hướng đến xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, tạo cơ sở vật chất vững chắc cho quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Do đó, xây dựng NNST chính là cách thức khắc phục hạn chế trong tư duy phát triển nông nghiệp truyền thống, giải quyết tốt mối quan hệ cân bằng, bền vững giữa các yếu tố môi trường sinh thái với sự phát triển của con người.

Trong tiến trình thực hiện chính sách này, nông dân - vai trò của giai cấp - với tư cách là một yếu tố cấu thành quan trọng nhất của lực lượng sản xuất, quyết định hiệu quả thực hiện chính sách. Vai trò đó biểu hiện cụ thể ở các mặt: nông dân với toàn bộ trình độ, kỹ năng, ý thức tổ chức kỷ luật là lực lượng sử dụng toàn bộ tư liệu sản xuất để tạo nên một phương thức sản xuất; nông dân cũng chính là lực lượng trực tiếp tiến hành các hoạt động tổ chức, quản lý quá trình sản xuất cũng như quá trình phân phối, trao đổi hoạt động của quy trình sản xuất nông nghiệp. Chính vì vậy, có thể khẳng định rằng, nông dân chính là chủ thể quyết định hiệu quả của quá trình xây dựng NNST, phát triển nông thôn bền vững.

Tây Bắc là khu vực có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, nơi "địa đầu", "phên giậu", "lá phổi" của Tổ quốc, địa bàn có nhiều tộc người sinh sống và là nơi có những "điểm nóng" về tôn giáo, có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển, luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước. Tại đây, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đã đạt được những kết quả nhất định: Từ tâm lý trông chờ, ỷ lại vào đầu tư của nhà nước, người dân đã chủ động tham gia vào công tác quy hoạch; tích cực dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi thích hợp, ứng dụng tiến bộ KHCN, cơ giới hóa nông nghiệp; xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa; xây dựng mô hình kinh tế trang trại, gia trại, kinh tế tập thể... Nhờ vậy mà đến nay đã hình thành nhiều vùng chuyên canh; nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi, nông nghiệp sạch, hữu cơ, công nghệ cao ra đời... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở đây còn gặp phải không ít khó khăn, hạn chế như: việc chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái còn chậm; khả năng ứng dụng KHCN còn hạn chế do thiếu các yếu tố đầu vào; cơ cấu dân cư chủ yếu là đồng bào các dân tộc ít người trình độ hiểu biết, năng lực thấp; sự tham gia của người dân từ khâu hoạch định đến thực thi chính sách về xây dựng NNST còn yếu... Điều này đang đặt ra vấn đề cần có những nghiên cứu từ cả phương diện

lý luận lẫn thực tiễn để có những đề xuất nhằm phát huy sự tích cực, chủ động, sáng tạo của nông dân các tỉnh Tây Bắc trong tiến trình xây dựng NNST.

Chính vì vậy, để phát triển Tây Bắc xanh, bền vững, toàn diện trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc cần phải nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò chủ thể của nông dân, đánh giá những kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, những vấn đề đang đặt ra cần giải quyết, xây dựng một hệ thống các giải pháp toàn diện, đồng bộ, hiệu quả, khả thi để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST là yêu cầu cấp bách đang đặt ra trong giai đoạn hiện nay. Với những lý do vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay”*** làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Từ việc phân tích cơ sở lý luận và thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc, luận án đề xuất một số quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy có hiệu quả vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đảm bảo cho sự phát triển bền vững vùng Tây Bắc thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, nghiên cứu tổng quan những công trình liên quan tới đề tài của luận án nhằm kế thừa những giá trị của các công nghiên cứu trước; đồng thời, định hướng nội dung tiếp tục nghiên cứu.

Thứ hai, hệ thống hóa những vấn đề lý luận liên quan đến phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, phân tích thực trạng, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra trong việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc hiện nay.

Thứ tư, đề xuất một số quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy hơn nữa vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án xác định đối tượng nghiên cứu là phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST là chủ trương lớn, lâu dài của Đảng bao gồm nhiều nội dung và được tiếp cận ở các góc độ khác nhau, nhưng trong phạm vi luận án, tác giả tập trung nghiên cứu chủ thể, nội dung, phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST; trong đổi mới sáng tạo, ứng dụng KH-CN xây dựng NNST; trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BĐKH gắn với NNST; trong phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội.

Về không gian: Vùng Tây Bắc gồm 6 tỉnh là Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Hòa Bình nhưng trong phạm vi nghiên cứu luận án, tác giả nghiên cứu việc phát

huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST tại 03 tỉnh là Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình.

Về thời gian: Tập trung nghiên cứu việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc từ 2015 đến nay và đề xuất giải pháp từ nay đến 2030.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát huy vai trò chủ thể của nông dân và xây dựng NNST.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp luận:* Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin làm cơ sở phương pháp luận nghiên cứu.

- *Phương pháp nghiên cứu cụ thể:* Luận án đặc biệt chú trọng phương pháp lịch sử - logic, phân tích - tổng hợp; phương pháp định lượng, phương pháp định tính... để làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc hiện nay.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

5.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm rõ thêm lý luận về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội phát huy tốt hơn nữa vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST tại các tỉnh Tây Bắc.

Luận án có thể được dùng làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy những nội dung có liên quan tại các trường đại học, học viện.

6. Điểm mới của luận án

- Luận án thiết lập được hệ thống cấu trúc về mặt lý luận của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình xây dựng NNST, bao gồm: Khái niệm, chủ thể, nội dung, phương thức và các yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST

- Luận án đã phân tích, đánh giá được những thành tựu, hạn chế trong việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc hiện nay và xác định những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

- Luận án đã đề xuất được một số quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy hơn nữa vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc góp phần thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững và toàn diện của các tỉnh Tây Bắc trong thời gian tới.

7. Kết cấu của luận án

Luận án ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học của tác giả đã công bố có liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục gồm có 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. 1. Tổng quan những công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về xây dựng nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái

C. Francis and his colleagues, *Agroecology: The Ecology of Food Systems, Journal of Sustainable Agriculture*; Fred Magdoff: “Ecological agriculture: Principles, practices, and constraints”, *Renewable Agriculture and Food Systems*; Reyes Tirado and his colleagues: “Defining Ecological Farming”, FAO, “Agroecology for food Security And nutrition Proceedings of the Fao international symposium”; FAO, “The 10 elements of agroecology: Guiding the transition to sustainable food and agricultural systems”; Hatta T. (eds), *Economic Challenges Facing Japan's Regional Areas*; Hwang, J., Park, J., Lee, S, *The impact of the comprehensive rural village development program on rural sustainability in Korea*; Agroecology dialogue series - The interface between agroecology and territorial Approaches for food systems transformation; Agroecology dialogue series - Agroecology as a response to agri-input scarcity, Outcome brief no. 3, January 2023; FAO, The impact of disasters on agriculture and food security - Avoiding and reducing losses through investment in resilience.

Viện Nghiên cứu Phát triển (IDS), “*Nông dân, nông thôn và nông nghiệp, những vấn đề đang đặt ra*”; Phạm Thị Thanh Bình, “*Nghiên cứu so sánh chính sách nông nghiệp ở Trung Quốc, Thái Lan, Israel và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*”; Ban chỉ đạo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 26 – NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 (khóa X), “*Kỷ yếu Hội thảo khoa học Báo cáo chuyên đề phục vụ tổng kết Nghị quyết 26 – NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”; Phạm Văn Khôi, “*Phát triển nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng nông nghiệp sinh thái*”; Hội đồng lý luận Trung ương, “*Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*”; *Tạp chí Cộng sản chuyên đề số 4/2022*, “*Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*”; Phan Sĩ Mẫn, Hà Huy Ngọc, “*Tác động của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thực trạng và giải pháp ứng phó*”; Đào Thế Anh, Lê Thành Ý, Chu Tiến Quang: “*Phát triển nền nông nghiệp sinh thái gắn với phát triển nông thôn bền vững*”; Lê Minh Hoan, “*Phát triển nông nghiệp sinh thái, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị*”; Đào Thế Anh, “*Cơ hội và thách thức của hộ nông dân trong chuyển đổi số nông nghiệp và nông thôn*”; Trần Đức Viên, “*Xây dựng và phát triển nông nghiệp sinh thái: Một tầm nhìn thời đại, một triết lý phát triển từ thực tiễn Việt Nam*”; Nguyễn Thế Kiên, Trần Quý “*Chuyển đổi số để phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng đa chức năng, kinh tế tuần hoàn*”

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về phát huy vai trò chủ thể nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

Trịnh Ân Phú, “*Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác và nghiên cứu ứng dụng*”; Yoshitaka Miyake, Shota Kimoto, Yuta Uchiyama, Ryo Kohsaka, *Income Change and Inter-Farmer Relations through Conservation Agriculture in Ishikawa Prefecture, Japan: Empirical Analysis of Economic and Behavioral Factors*; Nguyễn Duy Tiên và Nguyễn Trọng Tiến, *Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nông dân và định hướng vận dụng ở Việt Nam*

hiện nay; Thào Xuân Sùng, *Xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay*; Nguyễn Cúc và Hoàng Văn Hoan, *Chính sách của nhà nước đối với nông dân trong điều kiện thực hiện các cam kết của WTO*; Bùi Thị Vân Anh, *Một số yếu tố tâm lý của người nông dân ảnh hưởng tới việc chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại*; Thào Xuân Sùng, *Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại*; Đặng Kim Khôi và Trần Công Thắng, *Bức tranh sinh kế người nông dân Việt Nam trong thời kỳ hội nhập (1990-2018)*; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, *Kỷ yếu hội thảo Lý luận và thực tiễn trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam - Chuyên đề: Phát huy vai trò của người dân trong xây dựng nông thôn mới*; Huỳnh Thanh Hiếu, *“Phát huy vai trò của nông dân trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay”*; Phạm Huỳnh Minh Hùng, *“Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay”*; Nguyễn Xuân Thắng, *“Phát huy vai trò chủ thể của nông dân và giải quyết mối quan hệ giữa pháp luật và các thể chế tự quản trong xây dựng nông thôn mới”*; Nguyễn Trung Kiên, Bùi Minh, *“Vai trò chủ thể của người nông dân trong lĩnh vực kinh tế”*; Hà Minh, *“Đổi mới tư duy góp phần phát triển nông nghiệp”*; Cao Phúc, *“Thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp để chuyển từ phát triển sản xuất nông nghiệp “đơn giá trị” sang “đa giá trị”*”; Trần Quang Vinh, *“Chuyển đổi tư duy kinh tế nông nghiệp - Để nông dân là chủ thể”*; Đoàn Minh Huân, *“Đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Nhìn từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của hệ thống chính trị và phát huy dân chủ ở nông thôn”*; Nguyễn Tiến Cường, *“Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tình hình mới”*; Lê Minh Hoan, *“Trí thức hóa nông dân”*.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu về phát huy vai trò chủ thể nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc Việt Nam

Linh Pham, Gerald Shively, *“Profitability of organic vegetable production in Northwest Vietnam: evidence from Tan Lac District, Hoa Binh Province”*; Hoàng Văn Hoan, *Xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc nước ta hiện nay*; Trung tâm con người và thiên nhiên, *Nông nghiệp Tây Bắc: nhận diện thách thức và định hướng phát triển trong bối cảnh biến đổi khí hậu*; Trần Hồng Hạnh, *Biến đổi khí hậu và sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam*; Bộ Thông tin và truyền thông, *Nâng cao hiệu quả hợp tác xã nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh Tây Bắc trong quá trình xây dựng nông thôn mới*; Mai Trọng Nhuận, *Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc*; Học viện Chính trị khu vực I, *Giải quyết mối quan hệ giữa nông nghiệp - nông dân - nông thôn ở các tỉnh miền núi phía Bắc từ nay đến năm 2025, tầm nhìn 2030*; Nguyễn Thanh Huyền, *Thực hiện pháp luật về dân chủ cấp xã ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*; Lưu Đức Khải, *“5 thách thức cản trở thu hút đầu tư vào nông nghiệp Tây Bắc”*; Đào Thế Anh, *“Tái cơ cấu nông nghiệp Tây Bắc: Thực trạng và giải pháp”*; Phong Lưu *“Sơn La sản xuất nông nghiệp hữu cơ: Kỳ 1: Tạo hệ sinh thái bền vững, thực phẩm an toàn”, “Sơn La sản xuất nông nghiệp hữu cơ • Kỳ 2: Cần những giải pháp đồng bộ”*.

1.2. Giá trị các công trình được tổng quan, những vấn đề đặt ra và hướng nghiên cứu của luận án

1.2.1. Giá trị các công trình được tổng quan

Thứ nhất, những công trình nghiên cứu về xây dựng nông nghiệp, NNST trong và ngoài nước: Các công trình nghiên cứu này đã làm rõ: (1) Quan niệm về NNST, đặc

điểm, các yếu tố cấu thành của NNST, tầm quan trọng của phát triển NNST ở Việt Nam và trên thế giới; (2) Quan điểm, chủ trương, đường lối, các cơ chế chính sách xây dựng nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới; (3) Đánh giá thực trạng xây dựng NNST trên thế giới và Việt Nam và đưa ra các giải pháp xây dựng NNST trong giai đoạn hiện nay. Các tài liệu này giúp tác giả có cái nhìn tổng quan về NNST và định hình khái niệm NNST, xây dựng NNST, các yếu tố cấu thành của nền NNST.

Thứ hai, những công trình nghiên cứu về phát huy vai trò chủ thể nông dân trong xây dựng NNST: Các công trình nghiên cứu đã làm rõ: (1) Vai trò chủ thể của nông dân, tầm quan trọng của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tiến trình xây dựng NNST, kinh tế nông thôn và xây dựng NTM; (2) Những nội dung phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST được đề cập đến dưới các góc độ tiếp cận khác nhau của các công trình nghiên cứu; (3) Cách thức để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; (4) Những vấn đề đặt ra và các giải pháp nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp nói chung, NNST nói riêng.

Thứ ba, những công trình nghiên cứu về phát huy vai trò chủ thể nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc Việt Nam: Các tài liệu đã đề cập đến: (1) Thực trạng phát triển NNST ở Tây Bắc với những cơ hội và thách thức đang đặt ra; (2) Các cơ chế, chính sách thúc đẩy nông dân phát huy vai trò chủ thể của mình để xây dựng nông nghiệp Tây Bắc phát triển bền vững; (3) Những giải pháp nhằm phát triển nông nghiệp Tây Bắc theo hướng sinh thái và phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tiến trình này.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra và hướng nghiên cứu của luận án

Ngoài những giá trị của các công trình nghiên cứu nêu trên, các công trình đó vẫn còn có những khoảng trống nhất định cần phải bổ sung, cụ thể:

Thứ nhất, nghiên cứu cơ sở lý luận về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST được tiếp cận dưới các góc độ khác nhau nhưng chưa thể hiện rõ việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân với tư cách giai cấp, một lực lượng sản xuất trong chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, phân tích về các yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST chưa mang tính hệ thống; đánh giá thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc còn tản mạn, chủ yếu mới đề cập đến khía cạnh phát triển các mô hình NNST, những thành tựu, khó khăn thách thức trong phát triển nông nghiệp ở Tây Bắc.

Thứ ba, các giải pháp đề ra còn chung chung mới chỉ hướng đến phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói chung, chưa đề cập trực diện đến các giải pháp phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc trong bối cảnh mới đảm bảo sự phát triển bền vững.

Để làm tốt mục tiêu đề ra, luận án phải triển khai và làm rõ các vấn đề sau:

Một là, hệ thống hoá cơ sở lý luận, thực tiễn về việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST bao gồm: quan niệm về chủ thể nông dân, NNST, xây dựng NNST, vai trò và phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; xác định chủ thể, nội dung, phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; phân tích các yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.

Hai là, phân tích, làm rõ một số kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc hiện nay trên

cả 3 phương diện chủ thể, nội dung, phương thức; phân tích những vấn đề đặt ra hiện nay cần phải giải quyết.

Ba là, trên cơ sở lý luận và phân tích thực trạng của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc hiện nay cùng những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải giải quyết, luận án đề xuất một số quan điểm, giải pháp chủ yếu có tính khả thi nhằm phát huy hơn nữa vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST đảm bảo cho sự phát triển bền vững vùng Tây Bắc hiện nay.

Chương 2

PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI Ở VIỆT NAM – MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Chủ thể nông dân

2.1.1.1. Quan niệm về chủ thể

Trên cơ sở quan niệm của các nhà nghiên cứu trước đó, tác giả đã kế thừa và đưa ra quan niệm chủ thể dưới góc độ nghiên cứu của luận án: *Chủ thể là con người với những cấp độ tồn tại khác nhau (cá nhân, nhóm, giai cấp, tổ chức), có ý thức, có tư duy, tích cực, chủ động, sáng tạo, thông qua những hoạt động thực tiễn của mình nhằm cải tạo khách thể, làm cho khách thể ấy biến đổi phù hợp với nhu cầu của mình.*

2.1.1.2. Quan niệm về chủ thể nông dân

Tổng hợp từ những nghiên cứu trước đó, trong phạm vi nghiên cứu luận án, có thể hiểu: *Chủ thể nông dân là những người lao động cư trú ở nông thôn có nguồn sinh kế từ nông nghiệp gắn với tư liệu sản xuất chủ yếu là đất đai, làm chủ quá trình sản xuất (tổ chức, quản lý, phân phối sản phẩm) của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa.*

2.1.2. Xây dựng nông nghiệp sinh thái

2.1.2.1. Quan niệm về nông nghiệp sinh thái

Cho đến nay, có nhiều cách nhìn nhận, cách hiểu khác nhau về NNST như trong Từ điển bách khoa Việt Nam, tác giả Reyes Tirado, tác giả Phạm Văn Khôi... Từ những quan niệm đó, có thể hiểu: *Nông nghiệp sinh thái là một hệ thống sản xuất nông nghiệp kết hợp các phương pháp sinh thái với các phương pháp sản xuất hiện đại trên cơ sở thành tựu của KHCN tiên tiến nhằm bảo vệ môi trường, tăng cường đa dạng sinh học, cung cấp sản phẩm nông nghiệp an toàn cho sức khỏe con người và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.*

2.1.2.2. Quan niệm về xây dựng nông nghiệp sinh thái

Trên cơ sở kế thừa các quan niệm của các nhà nghiên cứu, dưới góc độ tiếp cận của Luận án, có thể hiểu: *Xây dựng nông nghiệp sinh thái là phương pháp tiếp cận tổng hợp chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội trong việc thiết kế, quản lý hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm của các cơ quan chuyên môn, nông dân và các tổ chức có liên quan trên cơ sở áp dụng đồng bộ các quy trình, KHCN thân thiện với môi trường, sử dụng hợp lý vật tư đầu vào, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ít phát thải, an toàn đối với con người để nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của nông sản đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.*

2.1.3. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

2.1.3.1. Quan niệm về vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

Trên cơ sở nghiên cứu quan niệm của các nhà khoa học, tác giả đã kế thừa và đưa ra quan niệm: *Vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST là vị thế làm chủ của nông dân trong quá trình sản xuất NNST, tổ chức quản lý và phân phối sản phẩm, thụ hưởng thành quả của quá trình sản xuất NNST, tạo ra sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực và sự phát triển bền vững của xã hội.*

2.1.3.2. Quan niệm về phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

Từ quan niệm của các nhà nghiên cứu trước đó, dưới góc độ tiếp cận của luận án, tác giả đưa ra quan niệm: **Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST** là tổng hợp các hoạt động có mục đích của nông dân, HTCT từ Trung ương đến địa phương, các tổ chức có liên quan nhằm khơi dậy, tạo điều kiện và khuyến khích nông dân tích cực, chủ động, sáng tạo thực hiện tốt vị thế làm chủ trong quá trình sản xuất NNST, tổ chức quản lý và phân phối sản phẩm, thụ hưởng những thành quả của quá trình sản xuất NNST, tạo ra giá trị, sức cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

Thực chất khi nói đến phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST chính là khơi dậy vai trò làm chủ của nông dân trong quá trình tổ chức sản xuất NNST, bao gồm: (1) Phát huy nâng cao nhận thức: biết, bàn; (2) Phát huy sự tham gia: tổ chức sản xuất, tiêu thụ, quản lý, tham gia kiểm tra, giám sát; (3) Phát huy thụ hưởng: giải quyết quan hệ lợi ích, phân phối. Một khi phát huy tốt các yếu tố này, đến lượt nó sẽ là nền tảng, là bộ phận để nông dân vươn lên làm chủ quá trình sản xuất đem lại lợi ích cho chính bản thân mình và cho xã hội.

2.2. Chủ thể, nội dung, phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Các chủ thể phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, hệ thống chính trị, bao gồm: Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn lao động. Tất cả các tổ chức này đều tham gia vào quá trình phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST từ việc đề ra chủ trương, đường lối đến triển khai, thực thi các chính sách đối với nông dân trong đời sống xã hội. Thông qua cơ chế, chính sách, các tổ chức này thúc đẩy, hỗ trợ, khuyến khích, động viên nông dân phát huy năng lực, sở trường, tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp để chuyển đổi và thiết lập các mô hình sản xuất NNST nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững.

Thứ hai, các tổ chức khác: Doanh nghiệp, HTX, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các nhà khoa học ngân hàng, các tổ chức tín dụng... Các tổ chức này tham gia phát huy vai trò chủ thể của nông dân thông qua các hoạt động thúc đẩy, hỗ trợ nông dân tham gia liên doanh, liên kết hợp tác sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị.

Thứ ba, bản thân người nông dân: Nông dân chính là chủ thể quan trọng nhất để

hiện thực hóa mục tiêu xây dựng NNST ở nước ta hiện nay. Do đó, chủ thể nông dân thông qua việc phát huy những phẩm chất tốt đẹp của mình (cần cù, chịu thương chịu khó, năng động, sáng tạo, tự lực, tự cường, đoàn kết, gắn bó tương trợ lẫn nhau), tích cực, chủ động nắm bắt và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chương trình, kế hoạch, phong trào của địa phương về xây dựng NNST, NTM; không ngừng học hỏi nâng cao trình độ, kỹ năng sản xuất, khắc phục tư tưởng làm ăn manh mún, trông chờ, ỷ lại vào đầu tư, dẫn dắt của Nhà nước, xây dựng mẫu hình người nông dân mới văn minh, hiện đại sẽ góp phần đưa nền nông nghiệp nước ta phát triển bền vững, đem lại sự phồn vinh, hạnh phúc cho xã hội.

2.2.2. Nội dung phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam hiện nay

2.2.2.1. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp sinh thái

Để chuyển đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế NNST một trong những yếu tố quyết định sự chuyển đổi thành công này chính là vai trò chủ thể của nông dân có được phát huy hay không. Điều đó đặt ra yêu cầu đối với chủ thể nông dân: *Một là*, chủ động, tích cực trong việc nắm bắt và trang bị cho mình những kiến thức, hiểu biết về tư duy kinh tế nông nghiệp, từ đó mới có thể áp dụng vào các khâu của quá trình sản xuất NNST do chính bản thân mình đảm nhận; *Hai là*, căn cứ nhu cầu của thị trường để xác định chủng loại, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm cần sản xuất từ đó xác định kết quả đầu ra với chủng loại, sản phẩm hàng hóa, thay đổi quy trình sản xuất, thay đổi nguyên liệu đầu vào, thay đổi giống cây trồng, vật nuôi đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về thực phẩm an toàn thân thiện với môi trường của người tiêu dùng; *Ba là*, luôn tìm cách giảm chi phí đầu vào hợp lý; *Bốn là*, tìm cách gia tăng giá trị sản phẩm, tích hợp đa giá trị thông qua việc phân loại làm sạch, đóng gói thiết kế nhãn hiệu hàng hóa, tiến hành sơ chế, chế biến và chế biến sâu, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc...; *Năm là*, xem khả năng cạnh tranh với đối thủ trên thị trường và chủ động quảng bá sản phẩm tìm kiếm khách hàng bằng nhiều kênh bán hàng khác nhau hoặc liên kết với các chủ thể khác tiêu thụ sản phẩm với giá hợp lý từ đó nâng cao doanh thu và gia tăng lợi nhuận.

2.2.2.2. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng nông nghiệp sinh thái

Thứ nhất, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất hiện thực hóa mục tiêu NNST

Đây là một nội dung quan trọng, liên quan đến việc nâng cao vai trò và tầm ảnh hưởng của chủ thể nông dân trong hệ thống sản xuất nông nghiệp bền vững. Như vậy, chủ thể nông dân cần có sự thay đổi từ tư duy cho đến hành động: *Một là*, chủ thể nông dân phải được trang bị kiến thức, hiểu biết về NNST, lợi ích của NNST đối với chính cuộc sống của họ và sự phát triển bền vững của xã hội.; *Hai là*, chủ thể nông dân được khuyến khích tham gia vào quá trình ra quyết định lựa chọn mô hình sản xuất NNS; *Ba là*, trên cơ sở những hiểu biết về NNST và sự hỗ trợ của các tổ chức, chủ thể nông dân phát huy tính tích cực, chủ động, mạnh dạn thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất kém hiệu quả, ảnh hưởng tới môi trường sang mô hình sản xuất NNST hiệu quả, bền vững đem lại lợi ích cho bản thân mình và xã hội.

Thứ hai, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm

Trong giai đoạn hiện nay, một trong những nguyên nhân sâu xa khiến cho người nông dân luôn thua thiệt trên thị trường đó là thiếu năng lực chủ thể. Vì vậy, một trong những nội dung quan trọng giúp khắc phục những hạn chế này: *Một là*, chủ thể nông dân phải chủ động tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất; *Hai là*, HTX, tổ hợp tác phải là nòng cốt trong phát triển chuỗi giá trị; *Ba là*, doanh nghiệp phải là động lực thúc đẩy chuỗi giá trị; *Bốn là*, Nhà nước, chính quyền các cấp phải đóng vai trò chính trong việc tạo lập môi trường và điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy hình thành liên kết chuỗi giá trị; *Năm là*, nhà khoa học phải trực tiếp thực hiện được vai trò tư vấn, hỗ trợ, nghiên cứu, chuyển giao KHCN cho nông dân, doanh nghiệp, HTX.

Thứ ba, phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST

Hợp tác quốc tế trong nông nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng, hỗ trợ cho mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư, những quan hệ hợp tác sẽ giúp tiếp cận nhiều mô hình mới, tư duy mới. Để thực hiện hiệu quả, nhiệm vụ này, yêu cầu đặt ra với chủ thể nông dân: *Một là*, chủ động tiếp cận kiến thức, nâng cao hiểu biết về hội nhập quốc tế, thay đổi tư duy sản xuất, nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học, tiếp cận tiến bộ KHCN để nâng cao tay nghề sản xuất; *Hai là*, chuyển đổi và tuân thủ nghiêm các quy định trong việc đảm bảo yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp thân thiện với môi trường, ứng phó với BĐKH của thế giới; *Ba là*, chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế và tham gia vào các chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu.

2.2.2.3. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với nông nghiệp sinh thái

Thứ nhất, về quản trị vấn đề xã hội: Chủ thể nông dân khi tham gia sản xuất NNST sẽ góp phần thực hiện xóa đói, giảm nghèo, tạo công ăn việc làm và giải quyết bất bình đẳng giới.

Thứ hai, về quản trị vấn đề văn hóa: Chủ thể nông dân khi thực hiện sản xuất NNST sẽ góp phần lưu giữ, truyền bá các giá trị văn hóa truyền thống của mỗi vùng miền được kết tinh trong các sản phẩm nông nghiệp.

Thứ ba, về quản trị vấn đề môi trường, BĐKH: Chủ thể nông dân với phương thức canh tác theo hướng sinh thái sẽ góp phần bảo vệ và làm giảm ô nhiễm môi trường đồng thời thích ứng với sự BĐKH diễn ra ngày càng phức tạp, tạo không gian sống lành mạnh cho con người đảm bảo sự phát triển bền vững.

2.2.2.4. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phân phối và thụ hưởng các giá trị của nông nghiệp sinh thái, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội

Thứ nhất, nông dân được phân phối và thụ hưởng thu nhập ngày càng cao, đời sống vật chất và tinh thần không ngừng nâng lên; *Thứ hai*, nông dân được thụ hưởng môi trường sống trong lành, môi trường làm việc an toàn cho sức khỏe, thụ hưởng các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn; *Thứ ba*, nông dân được thụ hưởng các chính sách để nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề hướng tới mẫu hình người nông dân chuyên nghiệp, văn minh.

2.2.3. Phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam hiện nay

Phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST là những cách thức con người sử dụng để hỗ trợ, khuyến khích, động viên chủ thể nông dân phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mình trong sản xuất NNST đem đến sự phát triển bền vững cho xã hội. Một số phương thức chủ yếu phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Việt Nam gồm: *Truyền thông, tuyên truyền, vận động, thuyết phục; Giáo dục; nêu gương; Kinh tế; Kiểm tra, giám sát.*

2.3. Những yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái ở Việt Nam hiện nay

2.3.1. Chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và hoạt động của hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội nghề nghiệp

2.3.2. Điều kiện địa lý - tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa - truyền thống

2.3.3. Quá trình hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, chuyển giao khoa học công nghệ

2.3.4. Quá trình phát huy dân chủ ở cơ sở trong sản xuất nông nghiệp sinh thái

2.3.5. Tâm lý, ý thức, trình độ của nông dân

Chương 3

PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÙNG TÂY BẮC THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Khái quát vùng Tây Bắc và đặc điểm nông dân Tây Bắc

3.1.1. Khái quát vùng Tây Bắc

3.1.1.1. Về điều kiện tự nhiên

3.1.1.2. Về điều kiện kinh tế - xã hội

3.1.1.3. Về điều kiện văn hóa

3.1.2. Đặc điểm nông dân Tây Bắc

Thứ nhất, thành phần chủ yếu của nông dân Tây Bắc là người các DTTS tạo nên sự đa dạng về truyền thống văn hóa nhưng luôn đoàn kết, hòa thuận, gắn bó với nhau.

Thứ hai, nông dân Tây Bắc có phương thức canh tác nông nghiệp gắn liền với địa bàn cư trú tạo nên nét đặc sắc riêng

Thứ ba, trình độ nông dân Tây Bắc còn hạn chế, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn

3.2. Thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc và nguyên nhân

3.2.1. Thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay

3.2.1.1. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp sinh thái - Thành tựu và hạn chế

Một là, HTCT các tỉnh Tây Bắc tích cực tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để nông dân chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST

Để giúp nông dân chuyển đổi tư duy sang kinh tế NNST và áp dụng vào quá trình

sản xuất tại địa phương, qua kết quả khảo sát cho thấy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng đã chủ động, tích cực thực hiện những biện pháp từ tuyên truyền, vận động để thay đổi suy nghĩ, cách làm của nông dân đến tổ chức triển khai các hoạt động giúp nông dân áp dụng tư duy kinh tế NNST vào sản xuất.

Hai là, nông dân, doanh nghiệp, HTX đã có sự chuyển biến trong nhận thức về tư duy kinh tế NNST và áp dụng trong quá trình sản xuất NNST tại địa phương

Điều này được thể hiện qua kết quả khảo sát: Có 89% nông dân tự tìm hiểu thông tin về tư duy kinh tế NNST trên các phương tiện thông tin đại chúng; 89,6% tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của chính quyền địa phương và các tổ chức về xây dựng NNST; 88,5% tìm hiểu nhu cầu của thị trường để xác định chủng loại, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm; 85,7% tìm cách gia tăng giá trị sản phẩm, tích hợp đa giá trị vào sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm; 85,7% chủ động giảm chi phí sản xuất hợp lý; 87,9% xem xét khả năng cạnh tranh và chủ động tìm kiếm khách hàng; 86,8% chủ động tham gia chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST ở Tây Bắc còn một số hạn chế sau:

Một là, hiệu quả hoạt động thúc đẩy thay đổi tư duy sản xuất của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức cho nông dân chưa cao, chưa có chương trình, kế hoạch riêng để truyền thông về vấn đề này mà chủ yếu được đề cập lồng ghép trong các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch về phát triển nông nghiệp ở địa phương dẫn đến tư duy kinh tế NNST còn chưa phổ biến ở quy mô lớn, mới chỉ tập trung ở những nông dân có điều kiện tiếp cận thông tin và có sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, còn nông dân thuộc các DTTS ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn chưa có sự chuyển biến đáng kể.

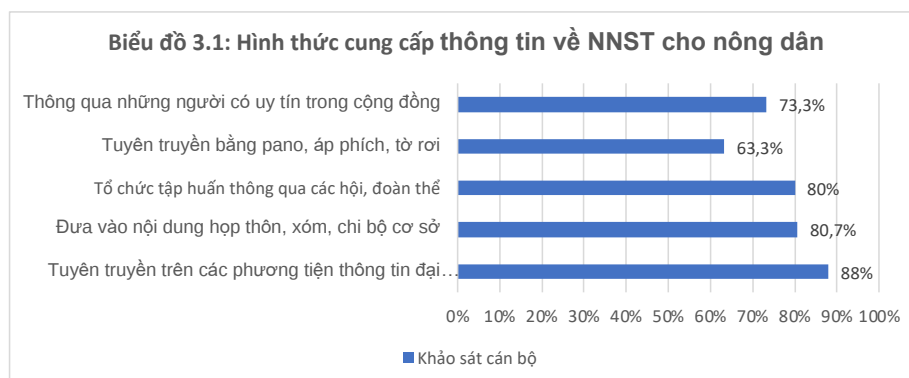
Hai là, tư duy của chủ thể nông dân trong các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn vùng Tây Bắc hiện nay chủ yếu vẫn tập trung vào việc gia tăng sản lượng mà chưa chú trọng nhiều đến các yếu tố về an toàn thực phẩm, tính bền vững của hệ thống sản xuất, tính đa dạng sinh học, sức khỏe đất, sức khỏe cây trồng và nhiều khi còn chưa tập trung vào nâng cao chất lượng của sản phẩm.

3.2.1.2 Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng nông nghiệp sinh thái – Thành tựu và hạn chế

Thứ nhất, về tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất hiện thực hóa mục tiêu NNST

Một là, các cơ quan trong HTCT ở Tây Bắc và các tổ chức xã hội khác tích cực triển khai tuyên truyền, giáo dục, vận động nông dân lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất

Về mức độ thực hiện tuyên truyền, giáo dục, phổ biến về NNST của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội khác cho nông dân, có 62% nông dân và 85% cán bộ đánh giá “Thường xuyên”; 35% nông dân và 14% cán bộ đánh giá “Thỉnh thoảng”; 2% nông dân và 1% cán bộ đánh giá “Không thường xuyên”; 1% nông dân và 0% cán bộ cho là “Không biết”. Về các hình thức cung cấp thông tin cho nông dân được thể hiện qua (Biểu đồ 3.1)



Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án năm 2024

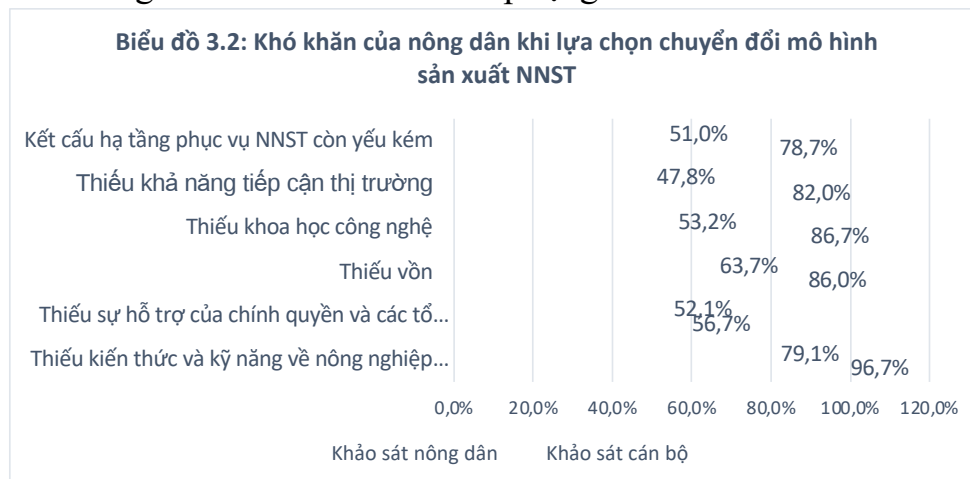
Hai là, nông dân đã chủ động, tích cực tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất NNST

Để thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất sang NNST, chủ thể nông dân đã tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách của địa phương về xây dựng NNST, chủ động tham gia đóng góp ý kiến cho các chính sách, chương trình hỗ trợ liên quan đến xây dựng NNST ở địa phương từ hoạt động sản xuất thực tiễn của mình để có thể đi đến quyết định lựa chọn mô hình sản xuất phù hợp nhất với điều kiện của bản thân mình.

Cùng với những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất sang NNST còn một số hạn chế:

Một là, nhiều nông dân với tâm lý thụ động, thờ ơ, quen với kiểu canh tác cũ, ngại thay đổi nên chưa tích cực tham gia lựa chọn, chuyển đổi mô hình sản xuất sang NNST.

Hai là, hiện nay nông dân Tây Bắc cũng gặp nhiều khó khăn khi lựa chọn chuyển đổi mô hình sản xuất sang NNST nên các mô hình áp dụng cách thức sản xuất mới chưa nhiều.



Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án năm 2024

Thứ hai, về thực hiện liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm

Một là, HTCT các tỉnh Tây Bắc tích cực thúc đẩy nông dân, doanh nghiệp, HTX liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất NNST

Điển hình như Sơn La đã tập trung rà soát, ban hành cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn phù hợp các quy định mới và tình hình thực tiễn của tỉnh. Chuyển mạnh từ xây dựng các “chuỗi cung ứng nông sản” sang phát triển các “chuỗi giá trị ngành hàng”. Gắn kết các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị. Tăng cường liên kết 6 nhà (nhà

nông - nhà nước - nhà doanh nghiệp - nhà băng (ngân hàng) - nhà khoa học - nhà phân phối) với nòng cốt là liên kết nhà nông - nhà doanh nghiệp. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/1/2021 về *phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Thực hiện Nghị quyết này, UBND tỉnh ban hành 10 kế hoạch, 6 đề án; thành lập Tổ công tác theo dõi, triển khai thực hiện Nghị quyết; đồng thời khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, HTX, người dân tham gia đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn. Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND về *ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La*. Giai đoạn 2020 - 2023 toàn tỉnh đã hỗ trợ 20,5 tỷ đồng cho 336 lượt tổ chức, doanh nghiệp phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường; hỗ trợ 1,4 tỷ đồng cho 5 HTX đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi, hệ thống tưới tiết kiệm.

Hai là, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức tín dụng, các nhà khoa học, các trung tâm nghiên cứu nông nghiệp hỗ trợ đắc lực cho việc thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tập huấn kỹ thuật sản xuất, chuyển giao KHCN vào sản xuất cho nông dân

Trong những năm qua, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức tín dụng, các trung tâm nghiên cứu nông nghiệp đã tuyên truyền, vận động, tạo điều kiện về vốn để nông dân thực hiện liên kết sản xuất; nghiên cứu và chuyển giao các giải pháp NNST, công nghệ cao cho doanh nghiệp, HTX và nông dân; tư vấn các hoạt động bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững ở các vùng nông thôn.

Ba là, nông dân, doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác đã tích cực, chủ động thực hiện các hoạt động để tham gia liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất.

Theo kết quả khảo sát, nông dân đã chủ động tham gia HTX, tổ hợp tác với tỉ lệ là 85,7%; Chủ động liên kết với doanh nghiệp và các tổ chức khác là 73,6%; Tích cực tham gia các chương trình, kế hoạch, dự án... về phát triển NNST của địa phương là 90,7%; Tích cực tham gia phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi và các phong trào khác do Hội Nông dân, các tổ chức đoàn thể phát động về NNST là 86,3%; Tự liên kết với các nông dân khác để sản xuất NNST là 77,5%; Tích cực tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao KHCN, chuyển đổi số trong nông nghiệp là 83%. Với tỉ lệ lựa chọn cao có tham gia các hoạt động trên thể hiện quyết tâm đổi mới cách thức sản xuất của chủ thể nông dân từ manh mún, nhỏ lẻ, lạc hậu dựa vào thói quen, thiếu linh hoạt sang phát triển hiện đại dựa vào tiến bộ KHCN và đổi mới sáng tạo.

Bên cạnh những kết quả đạt được việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong thực hiện liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất ở Tây Bắc thời gian qua còn một số hạn chế nhất định:

Một là, vai trò của chính quyền đã và đang bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế trong việc triển khai các biện pháp tăng cường liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất NNST. Nhiều nơi, chính quyền, các ban ngành địa phương còn lúng túng, thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ kịp thời cho các chủ thể trong các mô hình liên kết hợp tác sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản làm cho việc liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị ở Tây Bắc hiện nay còn tương đối lỏng lẻo, chưa đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia...

Hai là, sự tham gia liên kết hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng KHCN vào sản xuất NNST của nông dân chưa phổ biến, vẫn còn hạn chế về quy mô, đối tượng áp dụng, cũng như tiềm năng, lợi thế của vùng.

Ba là, nông dân, doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác... còn gặp những khó khăn trong tiếp cận cũng như ứng dụng KHCN vào sản xuất như thiếu vốn đầu tư, thiếu đất sản xuất, năng lực quản lý của nông dân, các tổ, nhóm, HTX... còn thấp.

Thứ ba, về hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST

Một là, HTCT các tỉnh Tây Bắc đã nỗ lực, tích cực triển khai các biện pháp để phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST

Thực hiện các mục tiêu về hội nhập kinh tế quốc tế, thời gian qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình đã phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể, giới thiệu và kết nối cho 147 lượt doanh nghiệp/HTX tham gia các Phiên chợ, Hội chợ, Tuần lễ, diễn đàn, hội nghị trực tuyến để kết nối tiêu thụ sản phẩm ở thị trường trong và ngoài nước; hỗ trợ cấp 2.959.000 tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho các loại nông sản đặc trưng của tỉnh; thực hiện quảng bá sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc xuất xứ sản phẩm tại địa chỉ: <https://hb.check.net.vn>. cho 77 doanh nghiệp/HTX với 360 sản phẩm tham gia. Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, các cơ sở sản xuất áp dụng các quy trình sản xuất an toàn được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và ISO đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật của thị trường quốc tế phục vụ xuất khẩu sản phẩm. Đến nay toàn tỉnh có 14 doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác đã có sản phẩm nông sản, lâm sản được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật bản, Đài loan, Canada, thị trường EU...

Tỉnh Điện Biên cũng đã triển khai nhiều giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính theo hướng chủ động phục vụ doanh nghiệp như: thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp giảm từ 3 ngày xuống 1,5 ngày làm việc; tổ chức gặp mặt các doanh nghiệp định kỳ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động thu hút đầu tư...

Hai là, các tổ chức quốc tế thúc đẩy nông dân thực hiện hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST thông qua các dự án hợp tác nghiên cứu, chuyển giao KHCN

Tính đến nay, đã có rất nhiều các tổ chức quốc tế thông qua các chương trình hợp tác nghiên cứu về phát triển nông nghiệp với chính quyền và các tổ chức ở các tỉnh Tây Bắc nhằm xây dựng các hệ thống nông nghiệp bền vững. Điển hình như Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Australia (ACIAR) từ khi thực hiện hợp tác đến nay đã đầu tư khoảng 32 triệu AUD (tương đương 22,7 triệu USD) thông qua 20 dự án hợp tác nghiên cứu quốc tế ở khu vực Tây Bắc để phát triển các hệ thống canh tác bền vững trên đất dốc, giúp đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên và môi trường tự nhiên, đồng thời nâng cao thu nhập cho các nông hộ sản xuất nhỏ. Tới nay, đã có 425 hộ nông dân sản xuất quy mô nhỏ tham gia dự án và phát triển thành công các hệ thống nông lâm kết hợp giúp tăng thu nhập, đồng thời bảo vệ chất lượng đất và môi trường.

Ba là, nông dân chủ động thực hiện các dự án hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để phát triển các hệ thống canh tác bền vững.

Nông dân các tỉnh Tây Bắc đã: Chủ động tìm hiểu nâng cao hiểu biết về hội nhập quốc tế, thay đổi tư duy sản xuất nông dân đánh giá 2,76/5 điểm, cán bộ đánh giá 2,65/5 điểm; Chủ động nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ ngoại ngữ, tin học, nâng cao tay nghề sản xuất với kết quả 2,97/5 điểm và 2,65/5 điểm; Chuyển đổi mô hình sản xuất và tuân thủ nghiêm các quy định về nông nghiệp sạch, nông nghiệp thân thiện với môi trường, thích ứng với BĐKH của thế giới 2,95/5 điểm và 2,72/5 điểm; Chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, tham gia vào các dự án hợp tác, nghiên cứu NNST của các tổ chức quốc tế, các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu 2,88/5 điểm và 2,72/5 điểm; Tiếp nhận, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao thông qua hợp tác nghiên cứu sản xuất nông nghiệp với các tổ chức quốc tế 2,86/5 điểm và 2,75/5 điểm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST ở Tây Bắc còn một số hạn chế, đó là:

Một là, sự chủ động, tích cực trong nắm bắt thông tin, kiến thức, kỹ năng về hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST của nông dân còn hạn chế.

Hai là, cơ chế chính sách và thực tế triển khai thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực đầu tư sản xuất NNST của chính quyền địa phương và các tổ chức còn một số bất cập. Chẳng hạn như về cơ chế chính sách thu hút đầu tư, UBND tỉnh Điện Biên đã cụ thể hóa Nghị định 57 của Chính phủ bằng Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 9/12/2019 về *Ban hành định mức hỗ trợ từng loại dự án, hạng mục, công trình đối với doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh*. Song đến nay, chưa có dự án nào được tiếp cận, thụ hưởng chính sách này.

3.2.1.3. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, biến đổi khí hậu gắn với nông nghiệp sinh thái - Thành tựu và hạn chế

Một là, HTCT ở các địa phương Tây Bắc đã thúc đẩy chủ thể nông dân thực hiện quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BĐKH gắn với NNST

Để giải quyết được hiệu quả các vấn đề trên, ở Tây Bắc đã có sự vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền và các đoàn thể trong việc vận động, tạo điều kiện bằng các cơ chế chính sách để chủ thể nông dân chuyển sang sản xuất NNST gắn chặt chẽ với các mục tiêu xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho nông dân, đảm bảo quyền bình đẳng cho phụ nữ; bảo tồn các giá trị văn hóa địa phương liên quan đến sản xuất nông nghiệp; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với BĐKH.

Hai là, nông dân, HTX, doanh nghiệp đã tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách của địa phương nhằm quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BĐKH gắn với NNST

Về vấn đề xóa đói, giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm cho nông dân: Việc thực hiện các mô hình sản xuất NNST của bà con nông dân ở các tỉnh đã đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với các mô hình nông nghiệp truyền thống trước đó và góp phần xóa đói, giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm cho lao động địa phương. Chẳng hạn như tại Sơn La, các HTX Nông nghiệp Toàn Duyên, xã Nậm Lạnh, HTX Long Hiếu, xã Sốp Cộp

theo đuổi mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững đã định hướng cho thành viên tuân thủ quy trình sản xuất an toàn, từ khâu chọn giống, quản lý đất đến sử dụng phân bón, nước tưới, chăm sóc. Doanh thu năm 2023, đạt trên 5 tỷ đồng, thu nhập của các thành viên HTX luôn ổn định. Hằng năm, ủng hộ từ 20 - 30 triệu đồng vào các quỹ từ thiện, tạo điều kiện cho các hộ nghèo phát triển sản xuất. Các HTX còn tạo việc làm thường xuyên cho trên 1.200 lao động địa phương, với mức lương bình quân từ 5 - 8 triệu đồng/người/tháng.

Chính từ hiệu quả của các mô hình NNST được triển khai tại các địa phương đã góp phần giúp cho tỉ lệ hộ nghèo của các tỉnh giảm mạnh qua các năm.

Bảng 3.1. Tỷ lệ hộ nghèo theo Chuẩn nghèo đa chiều phân theo địa phương

Đơn vị %

	2020	2021	2022	Sơ bộ 2023
CẢ NƯỚC	4,80	4,36	4,19	3,37
Trung du và miền núi phía Bắc	14,38	13,43	12,82	10,71
Điện Biên	36,74	34,52	33,58	29,55
Sơn La	30,53	28,61	23,88	19,79
Hòa Bình	9,09	8,19	7,94	6,03

Nguồn: Tổng cục thống kê

Về vấn đề bình đẳng giới: Nông dân khi triển khai các mô hình sản xuất NNST ở Tây Bắc thời gian qua đã góp phần giải quyết vấn đề bình đẳng giới, đảm bảo quyền của phụ nữ trong quyết định các vấn đề về sản xuất NNST. Dự án GREAT Sơn La kết thúc giai đoạn 1 với con số ấn tượng: Tỷ lệ nữ nông dân cải thiện thu nhập đạt 90%; tỷ lệ phụ nữ hưởng lợi tự tin đạt 86%, vượt chỉ tiêu 6%; 97% phụ nữ hưởng lợi tham gia vào việc ra quyết định trong gia đình; phụ nữ lãnh đạo tổ nhóm vượt 37%; doanh nghiệp do nữ làm chủ hoặc lãnh đạo vượt 15% so với mục tiêu; tổng huy động vốn đầu tư từ khu vực tư nhân cho các cơ hội kinh doanh đem lại lợi nhuận, bền vững và bao trùm đạt 6 triệu USD, đạt 100% kế hoạch..

Về vấn đề văn hóa: Thời gian qua, tại Sơn La nông dân và các tổ chức đã tích cực thực hiện Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về triển khai chính sách hỗ trợ phát triển du lịch gắn với xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Sơn La để khuyến khích, động viên và hỗ trợ thiết thực đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, tuyên truyền, quảng bá về tài nguyên, tiềm năng, lợi thế du lịch, sản phẩm du lịch, bản sắc văn hóa dân tộc, sản vật địa phương. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng gần 30 điểm khai thác các hoạt động du lịch nông nghiệp, nông thôn, trong đó phần lớn đang được khai thác theo mô hình du lịch cộng đồng, mô hình trải nghiệm du lịch vườn sinh thái.

Về vấn đề bảo vệ môi trường và thích ứng với BĐKH

Tại Sơn La, nằm trong khuôn khổ dự án “Tăng cường tiếng nói và năng lực cho người nông dân thiểu số dễ bị tổn thương ứng phó với BĐKH Tây Bắc Việt Nam (VOF)”, tại bản Phé A, chu trình hữu cơ khép kín đã góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường. Nhờ đó, vấn đề môi trường tại bản Phé A đã được cải thiện rõ rệt, chất thải chăn nuôi không bốc mùi như trước, 80% rơm không bị đốt mà được trữ khô

hoặc ủ làm thức ăn chăn nuôi trong mùa đông. Thông qua việc trồng lúa theo quy trình SRI trên diện tích 16 ha của 56% số hộ dân và việc ủ phân gia súc, lượng khí nhà kính (CH₄ và NH₃) phát thải đã giảm được trên 10 tấn. Mô hình phát triển trồng xoài kết hợp với thâm canh lúa cải tiến ở bản Nà Khái, xã Sập Vạt, lượng phát thải khí nhà kính trong chăn nuôi và canh tác lúa nước cũng đã giảm sâu. Theo ước tính, lượng khí nhà kính phát thải phát thải giảm được 9,3 tấn.

Cùng với những kết quả đạt được, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BĐKH gắn với NNST ở Tây Bắc thời gian qua còn một số hạn chế như:

Một là, mức độ phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BĐKH gắn với NNST ở Tây Bắc mặc dù bước đầu đã có chuyển biến tích cực nhưng vẫn chỉ mới ở mức thấp, hiệu quả chưa sâu rộng.

Hai là, mặc dù Tây Bắc đã có nhiều nỗ lực trong việc khuyến khích thử nghiệm, áp dụng các mô hình nông nghiệp thân thiện nhằm vừa gia tăng hiệu quả kinh tế, vừa góp phần bảo vệ môi trường và thích ứng với BĐKH, song hầu hết các mô hình đều được triển khai trên phạm vi hẹp, chưa được mở rộng nên hiệu quả và sức lan tỏa chưa cao.

Thứ ba, tỷ lệ thu, tái chế phụ phẩm trong quá trình sản xuất của nông dân còn quá thấp.

Thứ tư, công tác xây dựng, lập quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng thân thiện, thích ứng với BĐKH của chính quyền địa phương còn nhiều hạn chế, cả về mặt năng lực, quy trình lẫn phương thức thực hiện.

3.2.1.4. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân Tây Bắc trong phân phối và thụ hưởng các giá trị của nông nghiệp sinh thái, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội - Thành tựu và hạn chế

Một là, các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể tạo điều kiện về mặt pháp lý và triển khai thực hiện để nông dân được phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST

Tại Sơn La, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, tổng kế hoạch vốn bố trí thực hiện Chương trình từ năm 2022 - 2024 là 5.619.686 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư 2.355.810 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.856.006 triệu đồng; Vốn vay 1.351.147 triệu đồng và vốn khác 56.723 triệu đồng. Toàn tỉnh đã giải ngân thanh toán được 1.646.690 triệu đồng. Năm 2024, Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay 14.457 lượt khách hàng với tổng số tiền 808.759,25 triệu đồng cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo hộ đồng bào DTTS vay vốn để phát triển kinh tế, tăng thu nhập. Nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 giảm từ 17,83% xuống còn 14,17%, tương đương 42.147 hộ, giảm 3,66% so với năm 2022, đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (giảm 3%/năm).

Để nông dân được thụ hưởng môi trường sống, môi trường làm việc trong lành, tại Hòa Bình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo đẩy mạnh việc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường; tham mưu ban hành Đề án thu gom, xử lý bao gói thuốc Bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải nhựa trong sản xuất trồng trọt giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ được 1537 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật cho các vùng trồng cây chủ lực và lợi thế của tỉnh;...

Hai là, nông dân từng bước được phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội

Về thụ hưởng thu nhập: Thời gian qua, theo đánh giá từ việc triển khai các mô hình

NNST ở Tây Bắc cho thấy chi phí đầu tư để sản xuất giảm và hiệu quả đạt được cao hơn nhiều so với phương thức canh tác truyền thống. Điều đó đồng nghĩa với việc thu nhập của nông dân ngày càng cao, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân cũng không ngừng được cải thiện. Cụ thể, tỉnh Điện Biên từ năm 2021 - 2023, đã triển khai 125 dự án liên kết sản xuất; xây dựng và phát triển thành công 33 chuỗi liên kết sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với sản xuất truyền thống, như: Trồng rau an toàn giảm chi phí sản xuất 10 - 15%, sản lượng tăng từ 15 - 25%, lợi nhuận tăng từ 30 - 35 triệu đồng/ha; liên kết sản xuất lúa theo cánh đồng một giống, áp dụng cơ giới hóa đã giảm chi phí sản xuất, lợi nhuận tăng từ 15 - 20 triệu đồng/ha...

Về thụ hưởng môi trường sống, môi trường làm việc trong lành, môi trường làm việc an toàn cho sức khỏe, thụ hưởng các sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn

Tại những nơi thực hiện các mô hình NNST ở 3 tỉnh Tây Bắc, vấn đề môi trường đã được cải thiện rõ rệt.

Bảng 3.4: Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh phân theo địa phương và năm

Đơn vị %

	2020	2021	2022	Sơ bộ 2023
CẢ NƯỚC	96,5	97,5	98,0	98,4
Điện Biên	79,5	73,0	85,2	93,1
Sơn La	72,0	78,0	87,0	90,8
Hoà Bình	92,4	95,7	98,1	95,5

Nguồn: Tổng cục thống kê

Về thụ hưởng các chính sách để nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề hướng tới mẫu hình người nông dân chuyên nghiệp, văn minh

Tại Hòa Bình, các cấp Hội Nông dân tích cực tuyên truyền, giáo dục hội viên, nông dân học tập nâng cao kiến thức hiểu biết xã hội, năng lực ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, tiếp cận thị trường và hội nhập; Các cấp Hội đã tích cực, chủ động khảo sát nhu cầu học nghề, xây dựng kế hoạch; chủ động ký kết với các trường dạy nghề trong và ngoài tỉnh tổ chức mở các lớp đào tạo nghề theo hướng thiết thực, hiệu quả, gắn với giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nông dân. Trung tâm Hỗ trợ nông dân đã trực tiếp tổ chức được 67 lớp đào tạo nghề cho 2.146 hội viên; các cấp Hội phối hợp mở được 227 lớp cho 6.314 hội viên.

Thời gian qua, việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội ở Tây Bắc đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên bên cạnh đó còn một số hạn chế. Cụ thể:

Một là, mức độ phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST của chủ thể nông dân ở Tây Bắc chưa cao.

Hai là, việc phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST chưa đồng đều và bền vững.

3.2.2. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế

3.2.2.1. Nguyên nhân của những thành tựu

Thứ nhất, có hệ thống các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, sự quan

tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của HTCT các cấp trong việc khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho nông dân phát huy vai trò chủ thể.

Thứ hai, nhận thức, trình độ, ý thức tự giác của nông dân trong xây dựng NNST được nâng cao

Thứ ba, sự hỗ trợ, đồng hành và chia sẻ của các tổ chức, cá nhân đối với nông dân trong xây dựng NNST

3.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Thứ nhất, nguyên nhân từ cơ chế, chính sách xây dựng NNST còn thiếu, chưa đồng bộ, từ hiệu quả triển khai thực hiện chính sách của HTCT và chất lượng đội ngũ cán bộ địa phương.

Thứ hai, nguyên nhân từ những hạn chế của chủ thể nông dân

Thứ ba, nguyên nhân từ điều kiện địa hình, tự nhiên, khí hậu, phong tục tập quán, hạ tầng nông thôn.

3.3. Một số vấn đề đặt ra từ thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc hiện nay

3.3.1. Yêu cầu cao trong chủ trương, chính sách phát huy vai trò chủ thể của nông dân nhưng hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách của hệ thống chính trị ở địa phương còn hạn chế

3.3.2. Thực tế yêu cầu phải tăng cường sự chủ động, tích cực tham gia của chủ thể nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái nhưng nhận thức và trình độ của nông dân còn hạn chế

3.3.3. Bất cập giữa vai trò quan trọng, đóng góp to lớn của chủ thể nông dân cho sự ổn định và phát triển xã hội với cơ chế, chính sách nhằm phát huy vai trò của họ

Chương 4

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÙNG TÂY BẮC THỜI GIAN TỚI

4.1. Một số quan điểm nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc thời gian tới

4.1.1. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái phải gắn với thực hiện hiệu quả các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng và quy hoạch tổng thể quốc gia

4.1.2. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái phải gắn với mục tiêu thực hiện thành công mô hình “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” đảm bảo bản sắc vùng Tây Bắc

4.1.3. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái phải gắn với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân

4.2. Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái vùng Tây Bắc thời gian tới

4.2.1. Nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân về vai trò chủ thể của nông dân và lợi ích của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST

Thứ nhất, tạo sự chuyển biến về chất trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận

thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò chủ thể của nông dân, sự cần thiết phải xây dựng NNST và lợi ích của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.

Thứ hai, đẩy mạnh ý thức tự giác ngộ của chủ thể nông dân về vị trí, vai trò chủ thể của mình.

4.2.2. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đẩy mạnh thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp sinh thái hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng nông thôn

Thứ nhất, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển NNST gắn với lợi thế của vùng: (1) Tập trung phát triển NNST, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch, tuần hoàn, hiệu quả, thích ứng với BĐKH, tạo ra sản phẩm có thương hiệu đặc thù và các sản phẩm OCOP chất lượng cao; (2) Phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng song song với nhiệm vụ bảo vệ, phát triển rừng bền vững và nâng cao đời sống của người làm nghề rừng, gắn với nhiệm vụ giữ an ninh quốc gia về nguồn nước, năng lượng và bảo vệ rừng; (3) Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm tại các địa bàn có quy mô chăn nuôi lớn; (4) Thúc đẩy các dịch vụ phục vụ NNST.

Thứ hai, hoàn thiện đồng bộ các chính sách xây dựng NNST thích ứng với BĐKH, bảo vệ môi trường: (1) Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chính sách của Nhà nước đã ban hành; (2) Xây dựng chính sách hỗ trợ nông dân chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang NNST; (3) Lồng ghép vấn đề ứng phó với BĐKH vào chính sách phát triển NNST ở địa phương.

Thứ ba, củng cố và xây dựng hạ tầng nông thôn đáp ứng yêu cầu xây dựng NNST tạo động lực thúc đẩy nông dân phát huy vai trò chủ thể

4.2.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị các cấp trong triển khai và tổ chức thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

Thứ nhất, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST.

Thứ hai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền trong triển khai, tổ chức thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc: (1) Xây dựng chính quyền thực sự của dân, do dân và vì dân; (2) Tổ chức triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phải lồng ghép linh hoạt, sáng tạo việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân; (3) Định kỳ hàng năm, chính quyền các cấp đưa nội dung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vào chương trình công tác, vào việc thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM; (4) Nâng cao chất lượng hoạt động, hiệu quả công tác tham mưu của các cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn; (5) Tập trung thực hiện cải cách hành chính, đặc biệt ở cơ sở, hướng đến hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Thứ ba, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là Hội Nông dân các cấp trên địa bàn Tây Bắc: (1) Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh. Bao gồm: (i) Hỗ trợ vốn cho

nông dân; (ii) Hỗ trợ nông dân tiếp cận ứng dụng tiến bộ KHCN; (iii) Tổ chức hoạt động cung ứng thiết bị, vật tư nông nghiệp cho nông dân; (iv) Hỗ trợ hội viên, nông dân quảng bá và tiêu thụ sản phẩm; (v) Tổ chức đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho nông dân; (vi) **Đẩy mạnh phổ biến, tư vấn, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho nông dân;** (2) Tăng cường vận động nông dân phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng NNST thông qua tổ chức phong trào thi đua, cuộc thi tìm hiểu; (3) Đẩy mạnh hiệu quả thực hiện hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế; (4) Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên và có hệ thống việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước

Thứ tư, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong HTCT các cấp có năng lực trình độ, có phẩm chất đạo đức, nhiệt huyết với công việc đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong tình hình mới.

4.2.4. Phát huy dân chủ ở cơ sở, đảm bảo thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” để nông dân thực sự là chủ thể trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

Một là, tuyên truyền để nông dân nhận thức được vai trò quan trọng của mình trong thực hiện dân chủ tại địa phương, đồng thời triển khai thực hiện tốt Luật dân chủ ở cơ sở, vận động nông dân phát huy tinh thần chủ động, tích cực tham gia bàn bạc, đóng góp ý kiến, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách phát triển NNST trên địa bàn.

Hai là, kiến tạo môi trường để người nông dân phát huy quyền làm chủ, phát huy vai trò chủ thể và đặt họ vào vị trí trung tâm của quá trình chuyển đổi tư duy phát triển nông nghiệp bền vững, từ cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời đến tổ chức triển khai các hình thức để nông dân tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách về xây dựng NNST.

Ba là, tháo gỡ những khó khăn, rào cản trong quá trình thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở để người nông dân thực sự phát huy vai trò chủ thể của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, giải quyết những vấn đề thiết thực liên quan đến đời sống vật chất, tinh thần của nông dân trong xây dựng NNST theo xu hướng tất yếu là rút ngắn khoảng cách thu nhập giữa lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, đảm bảo lợi ích chính đáng được hưởng của nông dân.

4.2.5. Xây dựng người nông dân văn minh có trình độ, năng lực, chủ động, sáng tạo ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào tổ chức sản xuất tiên tiến

Thứ nhất, nâng cao năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân để đảm đương vai trò chủ thể trong xây dựng NNST

(1) Các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở Tây Bắc cần tập trung đổi mới nội dung, phương thức đào tạo nông dân đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất NNST đang đặt ra; xây dựng chiến lược giáo dục, đào tạo nông dân theo lộ trình và bước đi thích hợp với điều kiện thực tế của địa phương; (2) Tăng cường đào tạo, tập huấn bằng nhiều hình thức khác nhau cho nông dân các kiến thức mới về NNST, khoa học kỹ thuật, thị trường, pháp luật, chuyển đổi số... (3) Thúc đẩy xây dựng người nông dân văn minh với hình mẫu “Người nông dân 5 mới”: tư duy mới, nhận thức mới, kiến thức mới, đời

sống văn hóa mới và quyết tâm mới.

Thứ hai, nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo, hội nhập của nông dân trong xây dựng nông nghiệp sinh thái

(1) Thúc đẩy tinh thần hợp tác trong tổ chức sản xuất NNST, xây dựng các nhóm hợp tác nông dân, HTX, tổ sản xuất hoặc câu lạc bộ nông dân nhằm chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, và cùng nhau phát triển các mô hình NNST. (2) Tạo điều kiện cho nông dân tham gia các cuộc thi sáng tạo, phong trào thi đua trong sản xuất nông nghiệp, hoặc xây dựng các mô hình thí điểm để họ thử nghiệm các kỹ thuật mới. (3) Tuyên truyền, vận động nông dân nêu gương trong phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tự tìm tòi học hỏi các kiến thức, kỹ thuật canh tác mới để chuyển đổi nền nông nghiệp từ mô hình truyền thống sang mô hình NNST đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng nông thôn.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu vấn đề “*Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST vùng Tây Bắc hiện nay*” có ý nghĩa thiết thực cả về mặt lý luận và thực tiễn. Đây là nhiệm vụ quan trọng của các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức nhằm tạo sự chuyển biến căn bản, toàn diện trong nhận thức và hành động của nông dân để chuyển đổi nền nông nghiệp từ truyền thống sang NNST, tạo điều kiện cho nông nghiệp Tây Bắc cất cánh. Từ đó, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân cũng như sự phát triển bền vững của vùng Tây Bắc. Từ quá trình nghiên cứu, luận án đã tập trung làm rõ những nội dung sau:

1. Trên cơ sở kế thừa những kết quả của các nhà nghiên cứu đi trước, luận án đã xây dựng được cơ sở lý luận cho vấn đề nghiên cứu. Trong đó: (i) Hệ thống hóa và xây dựng các khái niệm làm công cụ nghiên cứu gồm: chủ thể, chủ thể nông dân, NNST, xây dựng NNST, vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST và khái niệm trung tâm quan trọng nhất là *phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST*; (ii) Xác định chủ thể, nội dung, phương thức phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế NNST; trong đổi mới sáng tạo, ứng dụng KH-CN xây dựng NNST; trong quản trị các vấn đề xã hội, văn hóa, môi trường, BDKH gắn với NNST; trong phân phối và thụ hưởng các giá trị của NNST, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội; (iii) Phân tích các yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST. Những yếu tố này vừa tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân nhưng đồng thời cũng tạo ra những trở lực không nhỏ buộc chủ thể nông dân và các chủ thể khác phải tìm cách khắc phục để đạt được mục tiêu xây dựng một nền NNST bền vững.

2. Từ kết quả khảo sát thực tế và kế thừa những công trình nghiên cứu, tài liệu, báo cáo đã công bố liên quan đến đề tài, luận án đã phân tích thực trạng phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc. Thực trạng đó cho thấy việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc đã đạt được những thành tựu rất cơ bản, với sự hỗ trợ đắc lực của cả HTCT từ Trung ương đến địa phương, các tổ

chức xã hội khác, nông dân bước đầu đã thể hiện vai trò chủ thể của mình trong chủ động, tích cực tham gia vào quá trình xây dựng NNST từ khâu hoạch định cho đến thực thi chính sách. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn nhiều hạn chế, khó khăn mà nguyên nhân của nó xuất phát từ điều kiện khách quan, từ hoạt động chưa hiệu quả của HTCT địa phương, các tổ chức và những yếu kém trong nhận thức, trình độ, ý thức của chính bản thân người nông dân. Từ đó, luận án xác định 3 vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết.

3. Để phát huy một cách hiệu quả vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST ở Tây Bắc thời gian tới, luận án đã đề xuất 3 quan điểm và hệ thống 6 giải pháp, bao gồm: (i) Nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về vai trò chủ thể của nông dân, NNST và lợi ích của việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; (ii) Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, đẩy mạnh thực hiện các chính sách phát triển NNST hiện đại, thích ứng với BĐKH, phát triển hạ tầng nông thôn; (iii) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTCT các cấp trong triển khai và tổ chức thực hiện phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng NNST; (iv) Phát huy dân chủ ở cơ sở, đảm bảo thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” để nông dân thực sự là chủ thể trong xây dựng NNST; (v) Xây dựng người nông dân văn minh có trình độ, năng lực, chủ động, sáng tạo ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào tổ chức sản xuất tiên tiến. Thực hiện tốt những quan điểm, giải pháp này sẽ góp phần thúc đẩy nông dân phát huy vai trò chủ thể của mình trong xây dựng NNST ở Tây Bắc thời gian tới với hiệu quả cao hơn.